

THỰC TRẠNG KỸ NĂNG NGHỀ NGHIỆP CỦA SINH VIÊN NGÀNH GIÁO DỤC THỂ CHẤT TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỂ DỤC THỂ THAO BẮC NINH

Mai Thị Bích Ngọc*; Nguyễn Thị Thu Quyết*
Nguyễn Đình Chung*; Lê Thị Tuyết Thương**

Tóm tắt:

Sử dụng phương pháp phỏng vấn trên 3 nhóm đối tượng: Giảng viên, sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh và các cán bộ sử dụng lao động ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh để đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Ngành GDTC. Kết quả cho thấy: Thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên phổ biến ở mức độ trung bình, một số tiêu chí ở mức độ khá. Để đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao cho ngành TDTT, việc phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

Từ khóa: Kỹ năng nghề nghiệp, sinh viên, Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh...

Actual situation of career skills of students majoring in Physical Education at Bac Ninh Sports University

Summary:

The topic has employed the interviewing method on 3 groups of subjects: Lecturers, PE-majoring students and other PE employers at Bac Ninh Sports University to assess the status of skills career for students majoring in PE. The results show that the current status of students' career skills is generally at average level, and some criteria at a fair level. It's important to meet the requirements of fundamental and comprehensive innovation of education and high-quality human resources for the sport industry. The development of career skills for students majoring in Physical Education at Bac Ninh Sports University is necessary and urgent issue.

Keywords: Career skills, students, Physical Education, Bac Ninh Sports University.

ĐẶT VẤN ĐỀ

Xã hội ngày càng phát triển, nhu cầu tham gia hoạt động TDTT của con người cũng đa dạng và phong phú hơn, điều này đòi hỏi các nhà quản lý về lĩnh vực TDTT không ngừng nghiên cứu, tìm hiểu nhu cầu của xã hội về kỹ năng nghề nghiệp để từ đó có các định hướng đào tạo nhân lực TDTT trong thời kỳ hội nhập quốc tế. Qua quan sát thực tế, sinh viên các trường Đại học TDTT nói chung và sinh viên Trường Đại học TDTT Bắc Ninh nói riêng mới chủ yếu định hướng phát triển nghề nghiệp tương lai theo hướng phát triển trong các cơ quan nhà nước. Điều này dẫn đến việc học tập,

trang bị các kiến thức chuyên môn của sinh viên chủ yếu phục vụ ngành nghề trong lĩnh vực này.

Theo chuẩn đầu ra ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, sinh viên tốt nghiệp có thể làm việc trong các trường học thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, các cơ quan nhà nước và các tổ chức xã hội về TDTT, các đơn vị khai thác dịch vụ TDTT... vì vậy, việc trang bị kỹ năng nghề nghiệp TDTT của sinh viên cũng cần phải thỏa mãn các yêu cầu nghề nghiệp của các lĩnh vực này. Tuy nhiên, trên thực tế, vấn đề đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh vẫn chưa được quan tâm đúng mức.

*TS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

**ThS, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

Để có căn cứ lựa chọn và thực hiện các giải pháp phù hợp phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, việc nghiên cứu thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên là cần thiết và cấp thiết.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Quá trình nghiên cứu sử dụng các phương pháp: Phương pháp phân tích và tổng hợp tài liệu; phương pháp quan sát sự phạm; phương pháp phỏng vấn; phương pháp toán học thống kê.

Đối tượng phỏng vấn gồm: 62 sinh viên khóa 52 Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh trong đó có 44 sinh viên nam và 18 sinh viên nữ thuộc các chuyên ngành: Điền kinh, Bơi lội, Thể dục, Bóng đá, Bóng chuyền, Võ thuật. Thời điểm khảo sát: năm học thứ 4; 30 cán bộ, giáo viên nhà trường; 22 cán bộ sử dụng lao động cùng các chuyên gia, cán bộ, giảng viên GDTC tại Trường.

Nghiên cứu được tiến hành tại Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, năm học 2019-2020.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

Để có căn cứ đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh, thông qua tham khảo tài liệu, quan sát sự phạm, xin ý kiến các chuyên gia và phỏng vấn trên diện rộng bằng phiếu hỏi, chúng tôi đã xác định được 19 kỹ năng thuộc nhóm kỹ năng chuyên môn và kỹ năng mềm cần thiết với sinh viên Ngành GDTC. Trên cơ sở đó, lựa chọn được 70 tiêu chí đánh giá 19 kỹ năng nghề nghiệp cần thiết của đối tượng nghiên cứu.

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn, chúng tôi tiến hành đánh giá thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của sinh viên Ngành GDTC, trên cơ sở phỏng vấn 03 nhóm đối tượng: Cán bộ - giảng viên ngành GDTC, sinh viên, người sử dụng lao động ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Phỏng vấn được đánh giá theo thang độ Likert 5 mức tương ứng với các mức: Tốt (5 điểm), Khá (4 điểm), trung bình (3 điểm), yếu (2 điểm) và kém (1 điểm). Đánh giá tổng hợp được tiến hành theo các mức:

- 1.00 – 1.80: Kỹ năng đạt mức kém
- 1.81 – 2.60: Kỹ năng đạt mức yếu

2.61 – 3.40: Kỹ năng đạt mức trung bình

3.41 – 4.20: Kỹ năng đạt mức khá

4.21 – 5.00: Kỹ năng đạt mức tốt

Song song với phân tích kết quả phỏng vấn của từng nhóm, chúng tôi tiến hành so sánh sự khác biệt kết quả trả lời của 3 nhóm đối tượng phỏng vấn đánh giá về thực trạng kỹ năng nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu.

1. Thực trạng các kỹ năng chuyên môn của sinh viên Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn thực trạng các kỹ năng chuyên môn của sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được trình bày ở bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy:

Đa số đánh giá của giáo viên, người sử dụng lao động và bản thân sinh viên đều nhận định, các kỹ năng đạt được chỉ ở mức trung bình và mức khá, trong đó mức trung bình chiếm tỷ lệ lớn hơn. Tuy nhiên, sự đánh giá cũng có sự khác biệt giữa các đối tượng phỏng vấn, cụ thể:

Về nhóm kỹ năng nền tảng, nếu như bản thân sinh viên nhận định, kỹ năng nhận thức của họ đạt mức khá, nhưng cả giáo viên và người sử dụng lao động cho rằng, kỹ năng nhận thức của sinh viên Ngành GDTC chỉ ở mức Trung bình. Ở nhóm kỹ năng này, khi so sánh sự khác biệt kết quả kiểm tra giữa các nhóm đối tượng thấy có sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

Về nhóm kỹ năng chuyên biệt, giáo viên cho rằng, các kiến thức truyền đạt tại trường đã đảm bảo để sinh viên Ngành GDTC đạt mức khá, nhưng đa số sinh viên và người sử dụng lao động lại đánh giá, họ chỉ đạt ở mức trung bình. Ngoại trừ kỹ năng thực hành, thị phạm các môn thể thao được đánh giá ở mức khá ở cả 3 đối tượng phỏng vấn. Trong nhóm kỹ năng chuyên biệt, kỹ năng tự học và hoàn thiện bản thân và kỹ năng nghiên cứu khoa học của sinh viên được người sử dụng lao động đánh giá ở mức thấp nhất (tương ứng với điểm trung bình đạt 2.82 điểm và 2.95 điểm), ngược lại, hai kỹ năng này lại được cán bộ giáo viên và sinh viên đánh giá cao. Xét về tổng thể, ở nhóm kỹ năng chuyên biệt, đối tượng giáo viên đánh giá sinh viên đạt mức cao nhất, sau đó tới sinh viên tự

BÀI BÁO KHOA HỌC

Bảng 1. Kết quả phỏng vấn thực trạng kỹ năng chuyên môn của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Tiêu chí	Giáo viên (n=30)		Sinh viên (n=62)		Người sử dụng lao động (n=22)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
Kỹ năng nền tảng									
1	Kỹ năng nhận thức	100	3.33	214	3.45	68	3.09	1.098	>0.05
2	Kỹ năng định hướng trong giao tiếp và xây dựng kế hoạch hoạt động	90	3.00	202	3.26	71	3.23		
Kỹ năng chuyên biệt									
3	Kỹ năng dạy học	120	4.00	190	3.06	66	3	8.923	<0.05
4	Kỹ năng giáo dục	114	3.80	198	3.19	67	3.05		
5	Kỹ năng làm công tác chủ nhiệm	107	3.57	182	2.94	82	3.73		
6	Kỹ năng nghiên cứu khoa học	107	3.57	192	3.1	65	2.95		
7	Kỹ năng tự học và hoàn thiện bản thân	103	3.43	213	3.44	62	2.82		
8	Kỹ năng thiết kế và sử dụng đồ dùng, phương tiện dạy học	104	3.47	231	3.73	71	3.23		
9	Kỹ năng thực hành, thi phạm các môn thể thao	126	4.20	255	4.11	86	3.91		
Kỹ năng chuẩn bị bài dạy									
10	Kỹ năng phân tích nội dung chương trình các môn học lý thuyết và thực hành	96	3.20	181	2.92	78	3.55	3.766	>0.05
11	Kỹ năng lựa chọn tài liệu, nghiên cứu tri thức mới	92	3.07	203	3.27	72	3.27		
12	Kỹ năng nắm trình độ, thái độ học sinh	97	3.23	217	3.50	79	3.59		
13	Kỹ năng thiết kế buổi dạy	97	3.23	204	3.29	72	3.27		
14	Kỹ năng chuẩn bị phương tiện dạy học	105	3.50	196	3.16	66	3.00		
15	Kỹ năng soạn giáo án bài dạy	101	3.37	181	2.92	68	3.09		
Kỹ năng thực hiện bài học									
16	Kỹ năng ổn định tổ chức lớp	99	3.30	220	3.55	79	3.59	1.968	>0.05
17	Kỹ năng vào bài, tạo sự chú ý bài học mới	94	3.13	205	3.31	81	3.68		
18	Kỹ năng giảng bài mới	101	3.37	196	3.16	71	3.23		
19	Kỹ năng củng cố, tóm tắt, khắc sâu nội dung trọng tâm của bài học	98	3.27	206	3.32	74	3.36		
20	Kỹ năng ra câu hỏi và bài tập về nhà	90	3.00	208	3.35	71	3.23		
Kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả dạy học									
21	Kỹ năng xác định kiến thức, kỹ năng trọng tâm cần kiểm tra, đánh giá	94	3.13	201	3.24	74	3.36	2.018	>0.05
22	Kỹ năng xây dựng câu hỏi kiểm tra	89	2.97	194	3.13	73	3.32		
23	Kỹ năng thiết kế chuẩn đánh giá	93	3.10	172	2.77	67	3.05		
24	Kỹ năng phân tích kết quả bài kiểm tra	89	2.97	178	2.87	65	2.95		

đánh giá và kết quả đánh giá thấp nhất thuộc về người sử dụng lao động. Khi so sánh sự khác biệt, kết quả trả lời phỏng vấn của các nhóm cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$)

Về nhóm kỹ năng chuẩn bị bài dạy: Nếu kỹ năng phân tích nội dung chương trình các môn học lý thuyết và thực hành và Kỹ năng nắm trình độ, thái độ học sinh được người sử dụng lao động đánh giá đạt mức khá thì bản thân người lao động và giảng viên lại đánh giá các kỹ năng đó chỉ đạt mức trung bình. Ngược lại, nếu như cả sinh viên và người sử dụng lao động chỉ đánh giá ở mức trung bình kỹ năng chuẩn bị phương tiện dạy học thì giảng viên lại cho rằng, họ đã trang bị cho sinh viên kỹ năng chuẩn bị phương tiện dạy học ở mức khá. Trong nhóm kỹ năng chuẩn bị bài dạy, các ý kiến đánh giá của các nhóm chênh lệch có sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$)

Về nhóm kỹ năng thực hiện bài học, người sử dụng lao động đánh giá, sinh viên ngành GDTC đã có kỹ năng ổn định tổ chức lớp và kỹ năng vào bài, tạo sự chú ý bài học. Tương tự

như nhóm các kỹ năng chuẩn bị bài dạy, nhóm kỹ năng thực hiện bài học cũng được cả giáo viên, học sinh và người sử dụng lao động đánh giá tương đối tập trung với điểm trung bình từng kỹ năng đạt từ 3.00 tới 3.59 điểm, chủ yếu ở mức trung bình và mức khá. So sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm chưa có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$)

Về nhóm kỹ năng kiểm tra, đánh giá kết quả học tập: Đây là nhóm kỹ năng được cả giáo viên, học sinh và người sử dụng lao động đánh giá với điểm trung bình thấp nhất trong các nhóm kỹ năng và đạt trung bình từ 2.95 tới 3.36 điểm. Tất cả các kỹ năng đều được cả 3 nhóm đối tượng đánh giá ở mức trung bình. So sánh sự khác biệt kết quả kiểm tra của các nhóm cho thấy chưa có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$)

2. Thực trạng các kỹ năng mềm của sinh viên Ngành Giáo dục thể chất, Trường Đại học Thể dục thể thao Bắc Ninh

Kết quả phỏng vấn đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh được trình bày tại bảng 2.

Bảng 2. Kết quả phỏng vấn thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh

TT	Nội dung	Giáo viên (n=30)		Sinh viên (n=62)		Người sử dụng lao động (n=22)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
Kỹ năng thuyết phục									
1	Kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ trong diễn thuyết và giao tiếp đối tượng	120	4.00	256	4.13	84	3.82	8.782	<0.05
2	Kỹ năng chia sẻ hợp tác	98	3.27	191	3.08	88	4.00		
3	Kỹ năng cảm hóa tạo động lực cho đối tượng	115	3.83	261	4.21	76	3.45		
Kỹ năng trả lời phỏng vấn									
4	Kỹ năng lập kế hoạch và chuẩn bị phỏng vấn	94	3.13	210	3.39	74	3.36	8.126	<0.05
5	Kỹ năng tự tin khi phỏng vấn	109	3.63	210	3.39	85	3.86		
6	Kỹ năng điều chỉnh bản thân trong quá trình trả lời phỏng vấn	91	3.03	219	3.53	85	3.86		
7	Kỹ năng trình bày rõ ràng mạch lạc khi trả lời phỏng vấn	100	3.33	217	3.50	85	3.86		
Kỹ năng giao tiếp									
8	Hiểu biết về mục đích giao tiếp	93	3.1	218	3.52	79	3.59	6.972	<0.05
9	Kỹ năng gây thiện cảm với đối tượng giao tiếp	87	2.9	222	3.58	92	4.18		
10	Kỹ năng lắng nghe tích cực	94	3.13	222	3.58	83	3.77		
11	Kỹ năng nắm bắt đặc điểm đối tượng giao tiếp	109	3.63	211	3.40	86	3.91		
12	Kỹ năng phối hợp phương tiện giao tiếp	113	3.77	234	3.77	81	3.68		
13	Kỹ năng kiềm chế cảm xúc trong giao tiếp	102	3.40	209	3.37	79	3.59		

BÀI BÁO KHOA HỌC

TT	Nội dung	Giáo viên (n=30)		Sinh viên (n=62)		Người sử dụng lao động (n=22)		So sánh	
		Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	Tổng điểm	Trung bình	χ^2	P
Kỹ năng làm việc nhóm									
14	Kỹ năng làm việc tốt với người khác	99	3.3	234	3.77	92	4.18	2.637	>0.05
15	Kỹ năng lắng nghe hiệu quả	112	3.73	231	3.73	91	4.14		
16	Kỹ năng giải quyết xung đột	100	3.33	224	3.61	85	3.86		
17	Kỹ năng tạo sự đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ	114	3.8	236	3.81	92	4.18		
Kỹ năng đàm phán và ký hợp đồng									
18	Kỹ năng xác định mục tiêu đàm phán	106	3.53	226	3.65	74	3.36	3.645	>0.05
19	Kỹ năng xác định nội dung đàm phán	101	3.37	212	3.42	69	3.14		
20	Kỹ năng lắng nghe tích cực	100	3.33	236	3.81	79	3.59		
21	Kỹ năng thuyết phục	110	3.67	217	3.5	85	3.86		
22	Kỹ năng nắm bắt các văn bản, quy phạm pháp luật về đàm phán và hợp đồng kinh tế	85	2.83	178	2.87	70	3.18		
23	Kỹ năng kiểm chế cảm xúc, tạo hòa khí và thiện cảm trong đàm phán	94	3.13	229	3.69	81	3.68		
24	Kỹ năng trình bày quan điểm một cách lưu loát	93	3.1	239	3.85	73	3.32		
25	Kỹ năng đưa ra yêu cầu đối với đối tác một cách chủ động, thuyết phục	96	3.2	228	3.68	74	3.36		
26	Kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế và tổ chức thực hiện ký kết hợp đồng	87	2.9	198	3.19	63	2.86		
Kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc									
27	Kỹ năng xác định mục tiêu của kế hoạch	97	3.23	220	3.55	70	3.18	7.126	<0.05
28	Kỹ năng xác định quy trình, các hoạt động thực hiện kế hoạch	93	3.1	226	3.65	67	3.05		
29	Kỹ năng quản lý thời gian, CSVC hiệu quả	94	3.13	213	3.44	82	3.73		
30	Kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện	85	2.83	226	3.65	71	3.23		
Kỹ năng tư duy sáng tạo									
31	Kỹ năng suy nghĩ một cách hệ thống	96	3.2	205	3.31	63	2.86	2.198	>0.05
32	Kỹ năng sáng tạo	111	3.7	237	3.82	80	3.64		
33	Tầm nhìn và tư duy chiến lược	108	3.6	210	3.39	78	3.55		
34	Kỹ năng xác định mối quan hệ giữa các vấn đề	95	3.17	212	3.42	74	3.36		
35	Kỹ năng tư duy phân biện	90	3	193	3.11	82	3.73		
Kỹ năng giải quyết vấn đề									
36	Kỹ năng sử dụng các kỹ thuật ra quyết định giải quyết vấn đề	94	3.13	228	3.68	79	3.59	1.982	>0.05
37	Kỹ năng đánh giá rủi ro trong các quyết định	97	3.23	203	3.27	72	3.27		
38	Kỹ năng dự đoán và cung cấp các giải pháp thay thế	86	2.87	196	3.16	80	3.64		
39	Kỹ năng xác định các vấn đề chính trong một vấn đề khó khăn	99	3.3	204	3.29	69	3.14		
40	Kỹ năng kết hợp và thu thập thông tin	90	3	231	3.73	89	4.05		
Kỹ năng lãnh đạo									
41	Kỹ năng xây dựng nhóm hiệu quả	115	3.83	241	3.89	82	3.73	2.176	>0.05
42	Kỹ năng tạo động lực, khuyến khích các thành viên trong nhóm	111	3.7	247	3.98	84	3.82		
43	Kỹ năng giải quyết tình huống	114	3.8	234	3.77	85	3.86		
44	Kỹ năng hiểu biết bản thân	108	3.6	247	3.98	80	3.64		
45	Kỹ năng hiểu biết các thành viên trong nhóm	107	3.57	230	3.71	81	3.68		
46	Kỹ năng gắn kết các thành viên trong nhóm	114	3.8	237	3.82	85	3.86		

Qua bảng 2 cho thấy:

Kết quả đánh giá các kỹ năng mềm của sinh viên không đồng đều giữa các nhóm kỹ năng, có những nhóm kỹ năng được đánh giá tương đối cao, nhưng cũng có những nhóm kỹ năng được đánh giá chưa tốt. Tổng hợp kết quả đánh giá chủ yếu ở mức độ trung bình và khá. Tốt nhất ở nhóm kỹ năng thuyết phục, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng lãnh đạo. Các kỹ năng đàm phán và ký hợp đồng được đánh giá thấp nhất trong các nhóm kỹ năng mềm của sinh viên Ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh. Phân tích chi tiết từng nhóm kỹ năng cho thấy:

Ở nhóm kỹ năng thuyết phục, cả giảng viên và sinh viên đều đánh giá, sinh viên Ngành GDTC Trường Đại học TDTT Bắc Ninh chỉ ở mức trung bình về kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, phi ngôn ngữ trong diễn thuyết và giao tiếp đối tượng, cũng như kỹ năng chia sẻ, hợp tác và kỹ năng cảm hóa tạo động lực cho đối tượng, tuy nhiên, người sử dụng lao động lại cho rằng, sinh viên Ngành GDTC có đầy đủ 3 kỹ năng ở mức đánh giá khá với điểm trung bình lần lượt là 3.82, 4.00 và 3.45. Khi so sánh kết quả đánh giá của 3 nhóm đối tượng phỏng vấn thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$). Ở nhóm kỹ năng thuyết phục, người sử dụng lao động đánh giá tốt nhất về đối tượng nghiên cứu.

Về nhóm kỹ năng trả lời phỏng vấn: Bản thân sinh viên và người lao động đều đánh giá, sinh viên Ngành GDTC có kỹ năng điều chỉnh bản thân trong quá trình trả lời phỏng vấn và kỹ năng trình bày rõ ràng, mạch lạc khi trả lời phỏng vấn. Tuy nhiên, về kỹ năng tự tin khi phỏng vấn thì cả giảng viên và người sử dụng lao động đều đánh giá ở mức độ khá, trong khi đó, bản thân sinh viên lại cho rằng, mình còn thiếu tự tin khi phỏng vấn và chưa có kỹ năng lập kế hoạch và chuẩn bị phỏng vấn tốt. Ở nhóm kỹ năng này, mức đánh giá của nhóm sử dụng lao động với đối tượng nghiên cứu là cao nhất (3/4 tiêu chí ở mức khá), sau đó tới sinh viên tự đánh giá và điểm đánh giá thấp nhất ở nhóm giảng viên, đánh giá chủ yếu ở mức trung bình (3/4 tiêu chí). Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm cho thấy đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

Về kỹ năng giao tiếp: Có 2/6 kỹ năng thuộc nhóm này được cả 3 đối tượng đánh giá ở mức khá đó là kỹ năng nắm bắt được đặc điểm đối tượng giao tiếp và kỹ năng phối hợp phương tiện giao tiếp. Tuy nhiên, bản thân sinh viên cho rằng, kỹ năng kiềm chế cảm xúc trong giao tiếp của họ chỉ ở mức trung bình. Mặc dù vậy, cả giảng viên và người lao động lại đánh giá, kỹ năng này của sinh viên Ngành GDTC ở mức khá. Tương tự như ở nhóm kỹ năng thuyết phục và kỹ năng trả lời phỏng vấn, ở nhóm kỹ năng giao tiếp, người sử dụng lao động đánh giá về sinh viên ngành GDTC, Trường Đại học TDTT Bắc Ninh cũng ở mức cao nhất, tất cả tiêu chí đều ở mức khá, có tiêu chí tiệm cận mức tốt, sau đó tới sinh viên tự đánh giá và mức đánh giá thấp nhất cho đối tượng nghiên cứu thuộc về nhóm giảng viên. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm cho thấy đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

Về kỹ năng làm việc nhóm: Nếu như giảng viên đánh giá, kỹ năng làm việc tốt với người khác của sinh viên còn hạn chế thì cả người sử dụng lao động và sinh viên đều đánh giá, kỹ năng làm việc tốt với người khác, kỹ năng giải quyết xung đột đạt mức khá với điểm trung bình đạt từ 3.61 đến 4.18. Riêng kỹ năng lắng nghe hiệu quả và kỹ năng tạo sự đoàn kết, giúp đỡ, tương trợ của sinh viên Ngành GDTC được cả 3 đối tượng đánh giá là đạt mức Khá. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm đối tượng với kỹ năng làm việc nhóm của sinh viên chưa thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

Về kỹ năng đàm phán và ký hợp đồng: Đây là nhóm kỹ năng có đa số các tiêu chí chỉ được đánh giá ở mức trung bình ở cả 3 đối tượng phỏng vấn. Trong đó, kỹ năng soạn thảo hợp đồng kinh tế và tổ chức thực hiện ký hợp đồng và kỹ năng nắm bắt các văn bản, quy phạm pháp luật về đàm phán và hợp đồng kinh tế là thấp nhất với điểm trung bình đạt từ 2.83 đến 3.39. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm đối tượng với kỹ năng đàm phán và ký hợp đồng của sinh viên Ngành GDTC chưa thấy có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

Về kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc: Đây cũng là một trong các nhóm kỹ năng còn hạn chế của sinh viên Ngành GDTC, đặc biệt là ở kỹ năng xác định mục tiêu của kế hoạch; kỹ năng xác định quy trình, các hoạt động thực hiện kế hoạch và kỹ năng đánh giá kết quả thực hiện. Nếu như bản thân sinh viên cho rằng, họ hoàn toàn có thể ở mức khá về các kỹ năng này thì cả giảng viên và người sử dụng lao động lại cho rằng, các kỹ năng này của sinh viên còn hạn chế. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm đối tượng với kỹ năng lập kế hoạch và tổ chức công việc của sinh viên cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

Ở nhóm kỹ năng tư duy sáng tạo, cả 3 nhóm đối tượng đều cho rằng, kỹ năng sáng tạo của sinh viên Ngành GDTC ở mức khá, tuy nhiên, các kỹ năng suy nghĩ một cách hệ thống, kỹ năng tư duy phản biện còn hạn chế. Đánh giá của cả 3 nhóm đối tượng phỏng vấn về kỹ năng tư duy sáng tạo của sinh viên có sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

Về kỹ năng giải quyết vấn đề, nếu như giảng viên cho rằng, sinh viên Ngành GDTC còn hạn chế ở cả 5 kỹ năng trong nhóm này thì người sử dụng lao động lại cho rằng, kỹ năng sử dụng các kỹ thuật ra quyết định giải quyết vấn đề, kỹ năng dự đoán và cung cấp các giải pháp thay thế cũng như kỹ năng kết hợp và thu thập thông tin của đối tượng nghiên cứu đạt mức Khá với điểm trung bình đạt từ 3.59 đến 4.05, tức là mức đánh giá tương đối cao. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm cho thấy đã có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0.05$).

Về nhóm kỹ năng lãnh đạo: Đây là nhóm kỹ năng duy nhất đạt mức Khá ở cả 6 kỹ năng và có sự đồng thuận cao ở 3 nhóm phỏng vấn. Khi so sánh sự khác biệt kết quả đánh giá của các nhóm cho thấy có sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê ($P > 0.05$).

KẾT LUẬN

Các kỹ năng nghề nghiệp của đối tượng nghiên cứu chủ yếu được đánh giá ở mức độ trung bình và khá, trong đó nhóm kỹ năng mềm được đánh giá cao hơn so với nhóm kỹ năng chuyên môn. Ở nhiều tiêu chí đánh giá, người

sử dụng lao động đánh giá về sinh viên tốt hơn so với tự bản thân sinh viên và giảng viên Nhà trường đánh giá. Trước yêu cầu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực TĐTT trong giai đoạn mới, việc lựa chọn và sử dụng các giải pháp phát triển kỹ năng nghề nghiệp cho sinh viên là vấn đề cần thiết và cấp thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban chấp hành TW Đảng (2011), *Nghị quyết số 08-NQ/TW ngày 1 tháng 12 năm 2011 về việc Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, tạo bước phát triển mạnh mẽ về thể dục, thể thao đến năm 2020*.

2. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Bộ Nội vụ (2014), *Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BVHTTDL-BNV, ngày 17 tháng 10 năm 2014 ban hành Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành thể dục thể thao*.

3. Đặng Quốc Nam (2011), “Nghiên cứu đánh giá chất lượng đội ngũ cán bộ TĐTT khu vực Miền Trung – Tây Nguyên”, *Đề tài khoa học và công nghệ cấp Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch*.

4. Lê Đức Ngọc (2011), *Đổi mới tư duy để phát triển giáo dục đại học đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực chất lượng cao cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá*, Báo cáo tại Hội thảo Nâng cao chất lượng đào tạo, Đà Lạt.

(Bài nộp ngày 2/12/2020, Phản biện ngày 11/1/2021, duyệt in ngày 1/2/2021
Chịu trách nhiệm chính: Mai Thị Bích Ngọc
Email: maingoctdt@gmail.com)